

Về con chung: Ông và bà T không có con chung. Ông yêu cầu xác định ông không phải là cha đẻ của hai trẻ Trinh Vũ K, sinh ngày 28/6/2014 và Trinh

Vũ KK, sinh ngày 28/6/2014. Ông đồng ý với nội dung Phiếu kết quả xét nghiệm số JK00006 ngày 03/11/2020 của Viện nghiên cứu Gen-Miễn dịch Quốc tế về việc xét nghiệm DNA giữa ông và trẻ Trịnh Vũ KK và nội dung Kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số 7492-DTHPT-DNA HT ngày 12/11/2020 của Bệnh viện truyền máu huyết học về việc xét nghiệm DNA giữa ông và trẻ Trịnh Vũ K và không yêu cầu Tòa án trung cầu giám định lại.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông xác nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 04/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vũ Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Trịnh Văn D chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận B. Quá trình chung sống, giữa bà và Ông D xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2014. Nay giữa bà và Ông D không còn tình cảm nên bà đồng ý ly hôn với Ông D.

Về con chung: Bà và Ông D không có con chung. Bà xác định, Ông D không phải là cha đẻ của trẻ Trịnh Vũ K, sinh ngày 28/6/2014 và trẻ Trịnh Vũ KK, sinh ngày 28/6/2014. Bà thống nhất với các kết quả giám định AND giữa Ông D với trẻ Khôi và trẻ Khoa do Ông D đã cung cấp cho Tòa án. Bà đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả giám định nêu trên để làm căn cứ giải quyết vụ án và không yêu cầu trung cầu giám định lại.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Bà xác nhận không có.

Tại phiên tòa:

Ông D vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Vũ Thị Thu T; Về con chung: Ông xác định không có. Ông yêu cầu xác định ông không phải là cha đẻ của trẻ Trịnh Vũ K và trẻ Trịnh Vũ KK; Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông xác định không có.

Bà T vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đồng ý ly hôn với ông Trịnh Văn D; Về con chung: Bà xác định không có; Bà yêu cầu xác định ông Trịnh Văn D không phải là cha đẻ của trẻ Trịnh Vũ K và trẻ Trịnh Vũ KK; Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Vũ Thị Thu T của ông Trịnh Văn D.

+ Về con chung: Cả hai xác nhận không có nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Cả hai xác nhận không có nên không xem xét.

+ Chấp nhận yêu cầu xác định ông Trịnh Văn D không phải là cha đẻ của trẻ Trịnh Vũ K và trẻ Trịnh Vũ KK.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và xác định cha, mẹ cho con là vụ án dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại Quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Trịnh Văn D và bị đơn bà Vũ Thị Thu T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Ông Trịnh Văn D và bà Vũ Thị Thu T chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận B (Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 01/2021 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận B cấp ngày 02/10/2012) nên hôn nhân giữa Ông D và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Ông D xác nhận, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, nay nhận thấy tình cảm không còn và không thể tiếp tục chung sống với bà T nên ông xin ly hôn. Bà T xác nhận, giữa bà và Ông D không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa Ông D và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Ông D yêu cầu được ly hôn với bà T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Trịnh Văn D và bà Vũ Thị Thu T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về yêu cầu xác định ông Trịnh Văn D không phải là cha đẻ của trẻ Trịnh Vũ K và Trịnh Vũ KK:

Căn cứ lời khai của Ông D và bà T đều xác định ông Trịnh Văn D không phải là cha đẻ của trẻ Trịnh Vũ K và trẻ Trịnh Vũ KK. Đồng thời, căn cứ vào Kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số 7492-DTHPT-DNA-HT ngày 12/11/2020 của Bệnh viện truyền máu huyết học kết luận ông Trịnh Văn D không phải là cha đẻ của Trịnh Vũ K và Phiếu kết quả xét nghiệm số JK00006 ngày 03/11/2020 của Viện nghiên cứu Gen-Miễn dịch Quốc tế kết luận ông Trịnh Văn D và Trịnh Vũ KK không có quan hệ huyết thống cha con, có cơ sở xác định ông Trịnh Văn D không phải là cha đẻ của trẻ Trịnh Vũ K và trẻ Trịnh Vũ KK. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố ông Trịnh Văn D không phải là cha đẻ của trẻ Trịnh Vũ K, sinh ngày 28/6/2014 (Giấy khai sinh số 80/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận T cấp ngày 15/7/2014) và trẻ Trịnh Vũ KK, sinh ngày 28/6/2014 (Giấy khai sinh số 79/2014, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận T cấp ngày 15/7/2014).

[6] Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông Trịnh Văn D và bà Vũ Thị Thu T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trịnh Văn D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với yêu cầu ly hôn và được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xác định cha, mẹ cho con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 88, 89 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Văn D được ly hôn với bà Vũ Thị Thu T.

1.2. Tuyên bố ông Trịnh Văn D, sinh năm 1986 không phải là cha đẻ của trẻ Trịnh Vũ K, sinh ngày 28/6/2014 và trẻ Trịnh Vũ KK, sinh ngày 28/6/2014.

1.3. Về con chung: Ông Trịnh Văn D và bà Vũ Thị Thu T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông Trịnh Văn D và bà Vũ Thị Thu T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trịnh Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Ông D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0036214 ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Ông D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.2. Ông Trịnh Văn D được miễn nộp toàn bộ án phí đối với yêu cầu xác định cha, mẹ cho con.

3. Quyền kháng cáo: Ông Trịnh Văn D và bà Vũ Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận T;
- Chi cục Thi hành án Quận T;
- UBND phường P, Quận B;
- UBND Phường 18, Quận T;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Kiều